

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2026

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại đơn vị

a) Kết quả đạt được

Thực hiện đánh giá các mục tiêu đạt được năm 2025 theo các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị và Kế hoạch số 682-KH/UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Công tác phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số tại xã được triển khai đồng bộ, bước đầu đạt những kết quả tích cực. Nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng lên; hạ tầng kỹ thuật từng bước được hoàn thiện; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến chuyển biến rõ rệt; công tác số hóa hồ sơ, tài liệu được chú trọng.

Trong năm 2025, Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền xã Hòa Trạch đã nhận thức rõ về vai trò của chuyển đổi số trong cải cách hành chính và phát triển kinh tế - xã hội, từ đó có sự chỉ đạo sát sao về công tác chuyển đổi số ở cấp xã.

UBND xã đã bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong các hội nghị trực tuyến, xử lý văn bản điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, góp phần giảm thời gian và chi phí hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế

Chuyển đổi số là một lĩnh vực mới với chính quyền cấp xã và chưa có tiền lệ, vì vậy công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của UBND xã về thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đôi lúc còn lúng túng, nhiều cán bộ, chuyên viên thay đổi về vị trí công việc nên quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp cận các nhiệm vụ công tác chuyển đổi số chưa liên tục và chưa gắn kết chặt chẽ với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

a) Kết quả đạt được

Đã ban hành và rà soát, sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số; từng bước hoàn thiện quy định về dữ liệu số, chia sẻ – kết nối thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin. Cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng công nghệ số được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế

Quá trình sáp nhập xã diễn ra vào 6 tháng cuối năm, các phòng, ban, đơn vị mới đi vào hoạt động chưa ổn định gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng ban hành các đề án, kế hoạch và chính sách thúc đẩy chuyển đổi số của xã. Quá trình ban hành các Kế hoạch có tổ chức lấy ý kiến các phòng, ban, chuyên môn, các ban ngành, đoàn thể. Tuy nhiên, chưa tạo được sự quan tâm đóng góp ý kiến có chất lượng của các đơn vị để Kế hoạch được xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả hơn.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã quan tâm đầu tư trang thiết bị hạ tầng công nghệ phục vụ chuyển đổi số cho các phòng, đơn vị trực thuộc. Các thiết bị đầu cuối như máy tính, máy in, scan phục vụ chuyển đổi số cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc. UBND xã đã bố trí kinh phí cho các phòng, đơn vị mua sắm và tu sửa một số máy móc thiết bị làm việc của cán bộ, chuyên viên. Hệ thống kết nối mạng băng thông rộng, đảm bảo vận hành cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 cho nhân dân.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số máy tính đang sử dụng được tận dụng đã cũ, cấu hình hệ thống máy tính còn thấp, tốc độ xử lý chưa cao. Một số phòng, đơn vị còn thiếu máy in, máy scan, máy photocopy để phục vụ công việc. Các phòng, đơn vị chưa có hệ thống máy chủ để quản lý, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu nội bộ, phần mềm bảo mật và hỗ trợ bảo mật còn thiếu, chưa có máy tính riêng để soạn thảo các văn bản mật. Thiết bị lưu trữ ngoài (USB, ổ cứng rời), thiết bị nguồn điện dự phòng cho cơ quan còn thiếu.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

UBND xã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh để lập danh sách cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về sử dụng, vận hành hệ thống hồ sơ công việc văn bản điều hành dùng chung của tỉnh. Bên cạnh đó, UBND xã đã tạo điều kiện cử cán bộ, chuyên viên tham gia các lớp tập huấn chuyên ngành khác do các sở, ban, ngành tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức xã. UBND xã rà soát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng để có định hướng đào tạo nâng cao năng lực chuyển đổi số và chuyên ngành cán bộ, công chức trong thời gian tới. Bên cạnh đó, UBND xã còn cung cấp giới thiệu các địa chỉ nền tảng học tập số chính thống như nền tảng “Bình dân học vụ số” của Bộ công an,... cho cán bộ công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tham gia, nhằm phát huy tinh

thần tự học của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân.

b) Tồn tại, hạn chế

Các lớp tập huấn chủ yếu được tổ chức bằng hình thức trực tuyến, đội ngũ cán bộ, chuyên viên vừa tập huấn vừa giải quyết các công việc chuyên môn, thời gian tham gia các lớp tập huấn ngắn nên chất lượng các buổi tập huấn chưa cao. Khả năng tiếp nhận kiến thức về sử dụng các nền tảng số của đội ngũ cán bộ, chuyên viên không được đồng đều, một số cán bộ công chức chưa coi trọng công tác tập huấn để nắm các kiến thức về sử dụng các nền tảng số.

Các tổ công nghệ số và đề án 06 các thôn đa số là những người làm việc hưởng phụ cấp thấp vì thế chất lượng hoạt động của các tổ này chưa cao.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện tốt công tác tiếp nhận và số hóa hồ sơ thủ tục hành chính đầu vào, đầu ra lưu về kho dữ liệu trên hệ thống thủ tục hành chính của tỉnh. Đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân; tập trung triển khai thực hiện Nghị định 118/2025/NĐ-CP ngày 09/0/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công Quốc gia. Đăng ký khai thác dữ liệu dân cư trên hệ thống thủ tục hành chính của tỉnh.

Rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu dân cư đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống". Thực hiện tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như đất đai, hộ tịch, BHYT, đối tượng có công, bảo trợ xã hội, cán bộ, công chức, viên chức vào hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo kế hoạch của tỉnh triển khai.

b) Tồn tại, hạn chế

Dữ liệu khai thác chưa sạch, chưa đủ và chưa chính xác; quá trình số hóa từ hồ sơ giấy sang dữ liệu điện tử còn mắc nhiều lỗi, thiếu thông tin hoặc thông tin không thống nhất (đặc biệt là dữ liệu về đất đai, hộ tịch).

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

UBND xã được phủ sóng wifi tốc độ truyền dữ liệu ổn định 3G, 4G, đầu tư hệ thống mạng LAN, hệ thống camera giám sát ở các bộ phận, phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công để đảm bảo an toàn thông tin, giám sát vật lý. Hạ tầng viễn thông, CNTT được quan tâm đầu tư, đặc biệt là đầu tư trang thiết bị ở Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND xã để phục vụ nhân dân và phục vụ công tác xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số. Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông VNPT để khảo sát thiết kế hệ thống bảo mật an toàn thông tin cấp độ 2 theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư 03/2017/TT-BTTTT. Thường xuyên tuyên truyền cho cán bộ, chuyên viên UBND xã thực hiện các biện pháp bảo mật an toàn thông tin như sử dụng mật

khẩu mạnh, cảnh giác khi truy cập các link lạ, thường xuyên sao lưu dữ liệu tránh trường hợp rủi ro.

b) Tồn tại, hạn chế

Nhiều máy tính, trang thiết bị CNTT có cấu hình yếu hoặc đã lỗi thời, không đáp ứng được yêu cầu bảo mật và dễ bị tấn công.

Thiếu kinh phí để đầu tư mua sắm trang bị các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để bảo mật thông tin, đảm bảo ATTT.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã triển khai cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đủ điều kiện. Sử dụng thống nhất phần mềm Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; tích hợp chữ ký số, thanh toán trực tuyến.

Hoàn thành kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh. Áp dụng nền tảng định danh, xác thực điện tử của Bộ Công an. Sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử 100% từ UBND xã đến các đơn vị trực thuộc. UBND xã hiện đang cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện dịch vụ công toàn trình. Thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại xã và các tổ công nghệ số cộng đồng và đề án 06 các thôn, nhằm tuyên truyền, phổ biến và giúp đỡ nhân dân thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến toàn trình; phấn đấu đạt chỉ tiêu chung của tỉnh là tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 95%. Từ 1/7/2025 đến 11/12/2025 xã Hòa Trạch tiếp nhận tổng số DVC TT một phần, toàn trình 439, tỷ lệ số hóa đạt trên 85%.

Về truyền thông hỗ trợ hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC: Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC; hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia sử dụng DVC trực tuyến. Phổ biến kịp thời các nội dung công tác chỉ đạo, điều hành về hoạt động cải cách TTHC với nhiều tin bài được phát trên sóng đài truyền thanh cấp xã. Phối hợp với đơn vị Bưu điện tăng cường tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc tích hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu về dân cư và CSDL chuyên ngành còn chậm, chưa đầy đủ, chưa chính xác và thiếu sự liên thông, chuẩn hóa, gây khó khăn cho việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu chung giữa các cơ quan.

Mặt bằng trình độ về sử dụng các thiết bị công nghệ như máy tính, điện thoại thông tin của người dân trên địa bàn xã còn thấp. Người dân khó khăn trong việc tự nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến. Tỷ lệ số hóa hồ sơ của xã chưa đạt chỉ tiêu số hóa chung của tỉnh là 95%. Đặc biệt là hồ sơ lĩnh vực đất đai phức tạp, quá trình giải quyết còn chậm, ảnh hưởng đến tỷ lệ số hóa đầu ra của xã.

8. Xã hội số và Kinh tế số

a) Kết quả đạt được

- Về xã hội số: UBND xã đã bước đầu phổ cập kỹ năng số cho cán bộ và nhân dân thông qua triển khai phát động phong trào "Bình dân học vụ số" để phổ cập kiến thức và kỹ năng sử dụng công nghệ số cơ bản cho các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên các tổ chức đoàn thể chính trị - Xã hội. UBND xã thành lập các Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại các thôn để giúp đỡ, tuyên truyền và hỗ trợ người dân tiếp cận, học tập các kỹ năng sử dụng công nghệ số, ứng dụng công nghệ, sử dụng các nền tảng xã hội và các dịch vụ số như giao dịch trực tuyến, và an toàn thông tin.

Bước đầu triển khai cho lực lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 xã phối hợp với đội ngũ cán bộ, viên chức các trạm y tế, trường học triển khai chiến dịch tích hợp thẻ bảo hiểm y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử trên VneID phần đầu đạt tỷ lệ 80% theo mục tiêu chung của tỉnh.

Khuyến khích và hỗ trợ người dân tiếp cận mạng Internet băng rộng (cố định và di động) và các thiết bị thông minh.

- Về kinh tế số: Tuyên truyền vận động, hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử (như Shopee, Lazada, các sàn nông sản...) đặc biệt là các sản phẩm OCOP. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp để tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Khuyến khích các cơ sở kinh doanh và người dân sử dụng các phương tiện thanh toán điện tử (chuyển khoản, mã QR, ví điện tử) trong các giao dịch thường ngày. Tạo điều kiện và hỗ trợ các mô hình kinh tế số đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc thiếu hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị học tập, làm việc của cán bộ, công chức, nhân dân trên địa bàn xã vẫn còn là một rào cản lớn cho việc triển khai xây dựng kinh tế số và xã hội số.

Đội ngũ hỗ trợ kỹ năng số ở các thôn để triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được bố trí ổn định lâu dài, ảnh hưởng đến hiệu quả hỗ trợ người dân.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông

a) Kết quả đạt được

Sau sáp nhập xã, công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm triển khai thường xuyên, đa dạng về hình thức và nội dung. UBND xã đã chỉ đạo tăng cường tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh, băng rôn, khẩu hiệu, pano, áp phích, nhóm Zalo, facebook cộng đồng và mạng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về lợi ích, vai trò của chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội. Các thôn, Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 đã tích cực tham gia truyền thông, hướng dẫn người dân cài đặt,

sử dụng ứng dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số khác.

Cán bộ, công chức các bộ phận tiếp nhận và xử lý hồ sơ ở bộ phận một cửa và các phòng chuyên môn xử lý hồ sơ tích cực tuyên truyền vận động, hướng dẫn nhân dân trong thực hiện nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, đặc biệt trong nhận chi trả bảo trợ xã hội và chế độ chính sách người có công.

b) Tồn tại, hạn chế

Nguồn kinh phí dành cho hoạt động tuyên truyền còn hạn chế, chủ yếu lồng ghép trong kinh phí thường xuyên nên quy mô, nội dung, hình thức truyền thông chưa phong phú, chưa sâu.

9.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 08/10/2025 về tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc Gia, ngày chuyển đổi số xã (10/10/2025), tổ chức tuần lễ dịch vụ công trực tuyến tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Công tác tuyên truyền ngày chuyển đổi số được triển khai dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong đó chú trọng các hình thức tuyên truyền bằng hình thức băng rôn, khẩu hiệu, tuyên truyền bằng tin bài trên hệ thống truyền thông thông tin của xã, các trang tin địa phương ở các nền tảng mạng xã hội như facebook, zalo.... Nội dung tuyên truyền chủ yếu phổ biến các nền tảng học tập số để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân nắm bắt tham gia học tập nâng cao kỹ năng số. Đồng loạt triển khai cho đội ngũ cán bộ y tế phối hợp với các Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, các đơn vị trường học tuyên truyền vận động nhân dân tích hợp thẻ bảo hiểm y tế trên VneID, phần đầu đạt tỷ lệ tích hợp thẻ BHYT trên VneID đạt 80%.

b) Tồn tại, hạn chế

Công tác tuyên truyền tuy được triển khai nhưng hiệu quả lan tỏa trong cộng đồng chưa sâu, chưa đồng đều và hiệu quả; một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi và người có điều kiện kinh tế khó khăn còn hạn chế trong việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ số.

Nguồn kinh phí tuyên truyền, trang thiết bị phục vụ hoạt động còn hạn chế nên chưa đáp ứng yêu cầu tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên.

9.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

UBND xã đã tập trung xây dựng triển khai chuyển đổi số tập trung vào 3 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số. Lấy người dân làm trung tâm và giải quyết được vấn đề thực tế, thiết thực nhất của người dân. Tăng cường đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, đặc biệt là bộ phận "Một cửa" để hướng dẫn nhân dân được tốt hơn.

Đảm bảo hệ thống mạng, thiết bị các bộ phận phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công hoạt động ổn định, hiệu quả.

Thành lập Tổ Công nghệ số Cộng đồng và Đề án 06 phát huy hiệu quả của lực lượng này để đưa khoa học, công nghệ đến từng người dân.

Tập trung công tác truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện và trên tất cả các lĩnh vực để từng bước thay đổi nhận thức, thói quen các tầng lớp nhân dân trên địa bàn xã.

b) Tồn tại, hạn chế

Cơ chế kinh phí hỗ trợ thực hiện cho các sáng kiến và giải pháp chuyển đổi số chưa rõ ràng. Mặt bằng trình độ kỹ năng số của cộng đồng người dân trên địa bàn xã còn thấp.

10. Kinh phí thực hiện

Các nhiệm vụ chuyển đổi số chủ yếu được lồng ghép thực hiện trong kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;

Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;

Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 22/8/2025 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị trên địa bàn Quảng Trị;

Kế hoạch số 682-KH/UBND ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 22/9/2025 về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã;

Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 07/11/2025 của UBND xã về việc thực hiện Kế hoạch số 02-KHHĐ/BCĐTW ngày 29/6/2024 của Ban chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ và chỉ đạo của tỉnh Quảng Trị về chuyển đổi số; phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong đó dữ liệu là nền tảng, người dân là trung tâm, doanh nghiệp là động lực và công nghệ là phương tiện. Đến cuối năm 2026, đảm bảo hạ tầng, dữ liệu và nguồn nhân lực phục vụ cho chuyển đổi số của xã, trong đó quản trị số và dữ liệu số là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động nghiệp vụ và chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị thuộc xã được thực hiện chủ yếu trên môi trường số góp phần xây dựng chính quyền số minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong kinh tế, xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Tăng chỉ số xếp hạng chuyển đổi số của xã trong năm 2026.

Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bí mật nhà nước, dữ liệu và thông tin của chính quyền, cá nhân trong toàn bộ quá trình chuyển đổi số.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chính quyền số

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện. 100% cán bộ, công chức cấp xã sử dụng chữ ký số công vụ.

- Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu >80% trên tổng số hồ sơ TTHC.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến so với hồ sơ TTHC có phí, lệ phí tối thiểu 70%.
- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết TTHC thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết TTHC đạt 90% trở lên.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) đạt 90% trở lên.
- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.

b) Xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt > 50%.
- Tối thiểu 90% công dân dưới 14 tuổi, đủ điều kiện trên địa bàn xã được cấp thẻ căn cước.
- Trên 80% đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp đăng ký chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt.
- 100% các thôn được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ internet cáp quang băng rộng.
- Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học đạt >70% trở lên.
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với giáo dục phổ thông đạt 100%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục trên toàn xã triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 60% trở lên.
- Tỷ lệ cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%. Tỷ lệ người có thẻ bảo hiểm y tế được tích hợp trên VneID đạt 80% trở lên.

c) Kinh tế số

- Tỷ lệ tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số >30%. Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử (thanh toán không dùng tiền mặt) trong mua bán hàng hóa, dịch vụ >70%.
- Tỷ lệ người dân có chữ ký số cá nhân hoặc sử dụng các hình thức xác thực điện tử khác để thực hiện các giao dịch trên môi trường số 50%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp/hộ kinh doanh trên địa bàn cấp xã sử dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ 50%

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số.

Tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động chuyển đổi số, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, quyết liệt ở tất cả các cơ quan, đơn vị, ban ngành, tổ chức coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác năm. Kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ công tác phát triển KHCN, ĐMST và CDS, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng thành viên; phân công nhiệm vụ cụ thể. Duy trì chế độ họp, giao ban Ban Chỉ đạo UBND xã định kỳ hằng quý để đánh giá tiến độ, tháo gỡ khó khăn, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

Triển khai thực hiện quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chuyển đổi số. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, chuyên đề về kết quả chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; báo cáo được tổng hợp, theo dõi và cập nhật trên nền tảng số để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, CBCCVC. Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 09-KH/TU về chuyển đổi số. Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Hòa Trạch;

Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, đào tạo kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và triển khai Đề án 06 trên nền tảng MOOCs của tỉnh.

Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số với cải cách hành chính và đánh giá thi đua – khen thưởng, đưa kết quả triển khai chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

2. Thể chế, chính sách số

Tiếp tục triển khai xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nội bộ: Rà soát, đề xuất xây dựng hoặc sửa đổi các văn bản, quy chế, cơ chế phối hợp, chính sách liên quan đến phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin tại xã. Tăng cường lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các chương trình, kế hoạch chuyên môn của cơ quan trong năm 2026.

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và tổ chức triển khai chuyển đổi số trên địa bàn xã; bổ sung nguồn lực kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tiếp tục xây dựng các văn bản, Kế hoạch để triển khai kế hoạch thực hiện bộ

chỉ số DTI của tỉnh trên địa bàn xã, thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Trị về chuyển đổi số.

Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06. Phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên, có cơ chế theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện.

Tập trung đẩy mạnh hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và đề án 06, thường xuyên cập nhật danh sách, bồi dưỡng kỹ năng, phân công phụ trách từng thôn; Chủ động phối hợp với các sở Khoa học và Công nghệ để triển khai các văn bản, chính sách về chuyển đổi số, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với tỉnh.

3. Hạ tầng số

Tiếp tục tập trung phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm nền tảng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu, vận hành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của xã với hạ tầng chung của tỉnh.

Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ phục vụ chuyển đổi số như trang bị máy tính, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo 100% cán bộ có thiết bị làm việc đảm bảo tiêu chuẩn, kết nối mạng và tài khoản truy cập hệ thống quản lý, điều hành, hệ thống TTHC dùng chung của tỉnh.

Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet tốc độ cao và mạng diện rộng (WAN) bảo đảm ổn định, an toàn thông tin.

Sử dụng và khai thác Trung tâm dữ liệu của tỉnh hoặc nền tảng điện toán đám mây dùng chung, bảo đảm an toàn, bảo mật và tiết kiệm chi phí đầu tư riêng lẻ. Phát triển, duy trì hệ thống kho dữ liệu, hạ tầng lưu trữ tập trung phục vụ công tác quản lý, điều hành và chia sẻ dữ liệu trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

Triển khai, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số theo quy định; mở rộng việc sử dụng chữ ký số trong xử lý văn bản, giao dịch điện tử, dịch vụ công trực tuyến. Kết nối và khai thác hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp hạ tầng thông minh, thiết bị IoT (Internet vạn vật) trong quản lý, giám sát, cung cấp dịch vụ công, an ninh trật tự, môi trường, nông nghiệp, chiếu sáng... phù hợp điều kiện thực tế. Phối hợp với Công an trong việc tiêu chuẩn hóa và bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống hạ tầng số của đơn vị.

4. Nhân lực số

Tập trung nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, dữ liệu và an toàn thông tin. Đào tạo kỹ năng số cho 100% cán bộ, công chức, viên chức;

Tiếp tục kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng hoạt động và kỹ năng thực hành. Tổ chức tối thiểu 10 khóa tập huấn và hội thảo chia sẻ kinh nghiệm trong năm 2026 cho cán bộ cơ sở, đoàn viên thanh niên, hội viên phụ nữ, nông dân – những lực lượng trực tiếp hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng số. Triển khai các khóa đào tạo trực tuyến mở (MOOCs), chương trình thực hành kỹ năng số, quản lý dữ liệu và an toàn thông tin cho cán bộ cơ sở và cộng đồng theo kế hoạch của tỉnh Quảng Trị.

Khuyến khích lực lượng trẻ và nhân lực tại chỗ tham gia chuyển đổi số. Huy động đoàn viên thanh niên, giáo viên tin học, cán bộ văn hóa – xã hội tham gia hướng dẫn, truyền thông và hỗ trợ người dân tại cơ sở. Gắn nội dung chuyển đổi số với hoạt động của các tổ chức chính trị – xã hội, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên trong phong trào “Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn.”

Xây dựng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ, khen thưởng. Đưa tiêu chí nhiệm vụ chuyển đổi số vào đánh giá thi đua cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ, phụ cấp phù hợp cho cán bộ chuyên trách chuyển đổi số và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả.

5. Phát triển dữ liệu số

Rà soát nâng cấp, hoàn thiện và vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành như đất đai, y tế, giáo dục, nông nghiệp và môi trường... Ưu tiên tập trung xây dựng và số hóa các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường như Hệ thống truy xuất nguồn gốc (QR Code) cho các sản phẩm nông sản, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Hệ thống giám sát, quản lý tàu cá và nghề cá, đảm bảo tuân thủ quy định chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU); Xây dựng cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp để phục vụ định giá rừng, phát triển tín chỉ carbon rừng.

Phát triển, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu. Thực hiện chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu, danh mục dữ liệu dùng chung, đồng bộ với hệ thống dữ liệu của tỉnh và của trung ương; bảo đảm nguyên tắc “dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống”. Tiếp tục triển khai các hoạt động làm sạch dữ liệu dân cư, đất đai, giáo dục, y tế, phục vụ tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách. Tổ chức cập nhật định kỳ dữ liệu địa lý, tài nguyên, quy hoạch, hạ tầng, dân cư và kinh tế.

Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành trong bộ cơ sở dữ liệu trọng điểm hoàn thành giai đoạn 2025–2027, bao gồm: Các lĩnh vực: Hành chính, đất đai, tài chính, y tế, giáo dục, lao động – xã hội, nông nghiệp, môi trường, văn hóa, tôn giáo, công nghiệp – thương mại, an ninh – phòng cháy chữa cháy, quy hoạch, hạ tầng, dân cư,... Tăng cường bảo đảm an toàn dữ liệu, thực hiện phân quyền truy cập, giám sát, sao lưu, phòng ngừa rò rỉ và tấn công mạng; gắn kết quản trị dữ liệu với an ninh mạng tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

Tiếp tục rà soát, xác định, đề xuất, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các hệ thống hạ tầng ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ.

Phối hợp cử nhân sự phụ trách về an toàn thông tin/CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, người lao động và người dân.

Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch bảo vệ bí mật Nhà nước, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên địa bàn xã. Trong đó bổ sung việc tổ chức đánh giá an toàn thông tin định kỳ đối với các CSDL quốc gia, chuyên ngành trên địa bàn.

7. Chính quyền số

Tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống số của tỉnh như Hệ thống văn bản điện tử, Một cửa điện tử, Công Dịch vụ công, Hệ thống báo cáo điều hành, hội nghị trực tuyến, phần mềm phản ánh hiện trường, cơ sở dữ liệu dân cư và VNeID; hướng dẫn người dân nộp hồ sơ, thanh toán điện tử, tra cứu kết quả trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành, quản lý công việc. Tổ công nghệ số cộng đồng và đề án 06 tiếp tục phát huy vai trò hỗ trợ, tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số thiết yếu.

Phấn đấu đến cuối năm 2026, 100% cơ quan, đơn vị xử lý công việc trên môi trường điện tử; 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số công vụ. Các hệ thống nền tảng số vận hành ổn định, an toàn, kết nối thông suốt, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

8. Kinh tế số và xã hội số

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình quản trị và kinh doanh sang môi trường số. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận quỹ khoa học – công nghệ, chương trình đổi mới sáng tạo, chính sách tín dụng ưu đãi. Phát triển nền tảng thương mại điện tử, khuyến khích hộ sản xuất nông nghiệp. Xây dựng, triển khai kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực giáo dục, y tế, du lịch và dịch vụ công. Xây dựng mô hình “Chợ số”, “Thôn số”, “Doanh nghiệp số”, “HTX số”. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng nền tảng điện toán đám mây, chữ ký điện tử, hóa đơn điện tử.

Triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số. Triển khai chương trình, kế hoạch đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp,

thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch,...

Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” đến 100% thôn; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân. Đưa kỹ năng số vào chương trình hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân. Phát triển nền tảng học tập số trực tuyến, mở lớp hướng dẫn kỹ năng số qua hình thức Moocs. Khuyến khích các trường học, trung tâm giáo dục, đoàn thể mở chuyên đề “Công dân số”, “Gia đình số”. Đẩy mạnh truyền thông chuyển đổi số qua đài truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, Zalo, Facebook.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10/2026) bảo đảm thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức; Căn cứ hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ để xây dựng Kế hoạch tuyên truyền và Ngày Chuyển đổi số năm 2026 phù hợp với đặc thù của xã, lồng ghép với hoạt động thông tin, tuyên truyền thường xuyên. Đẩy mạnh truyền thông số đến tận nhân dân, tăng cường sử dụng mạng xã hội, nhóm Zalo cộng đồng, Fanpage chính thức của xã, cổng thông tin điện tử và các nền tảng trực tuyến khác để cung cấp, chia sẻ thông tin về hoạt động của chính quyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn tiếp cận dịch vụ số.

Phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng và đề án 06 các thôn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và kỹ năng an toàn thông tin. Thúc đẩy phong trào Bình dân học vụ số của nhân dân trên địa bàn.

Phối hợp với các đơn vị việc tổ chức truyền thông, tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng công nghệ số, mạng xã hội an toàn, hiệu quả, góp phần xây dựng công dân số và xã hội số tại địa phương.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xác định rõ người đứng đầu chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của đơn vị. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số; lồng ghép nội dung chuyển đổi số với cải cách hành chính, phát triển chính quyền số và xây dựng chính quyền phục vụ.

Ban hành các chương trình, kế hoạch hành động hàng năm của Ban Chỉ đạo, kèm cơ chế giám sát, đánh giá kết quả triển khai. Đưa kết quả thực hiện chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, đơn vị hàng năm. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, sơ kết, tổng kết công tác chuyển đổi số, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ

năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Xây dựng các chương trình, chuyên mục truyền thông về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử xã, mạng xã hội. Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số, các tọa đàm, diễn đàn, hội thi, cuộc thi sáng tạo về chuyển đổi số; phát động phong trào thi đua “*Chuyển đổi số – nhanh hơn, hiệu quả hơn, gần dân hơn*”.

Lồng ghép tuyên truyền chuyển đổi số vào các phong trào, hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công, định danh điện tử, thanh toán không tiền mặt. Tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản và nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn thực hành cụ thể, tránh hình thức, đảm bảo người học áp dụng được trong công việc. Phối hợp các doanh nghiệp công nghệ (VNPT, Viettel, FPT) triển khai các khóa học trực tuyến, nội dung tuyên truyền, tài liệu hướng dẫn kỹ năng số cho người dân.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực có trình độ CNTT, an toàn thông tin, dữ liệu số làm việc tại các cơ quan, đơn vị; ưu tiên bố trí cán bộ chuyên trách CNTT tại các phòng, đơn vị.

Tổ chức bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ, chú trọng kỹ năng thực hành, kỹ năng hỗ trợ người dân, kỹ năng vận hành hệ thống thông tin và đảm bảo an toàn mạng.

Có chính sách khuyến khích, khen thưởng, nâng ngạch, chuyển ngạch đối với cán bộ có sáng kiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong công việc. Hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, tổ chức chuyên môn để tổ chức các khóa học, hội nghị, thực hành kỹ năng chuyển đổi số. Khuyến khích thanh niên, sinh viên công nghệ, đội ngũ trẻ tham gia hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ mô hình, giải pháp công nghệ số với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài địa phương. Đưa các kết quả nghiên cứu, mô hình thí điểm vào ứng dụng thực tế, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số địa phương nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ chuyển đổi số của xã. Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống hạ tầng và nền tảng số để đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các cơ quan, đơn vị

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí nguồn lực tài chính hợp lý từ ngân sách xã, các nguồn vốn đầu tư công, chương trình mục tiêu, các nguồn vốn hợp pháp khác. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đảm bảo quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hiệu quả, minh bạch, đúng mục đích.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

UBND xã chủ động bố trí tối thiểu 3% tổng chi ngân sách của xã cho hoạt

động chuyển đổi số tại địa phương mình phù hợp với chủ trương, định hướng chung của toàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành, phòng ban, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND xã và Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tổ chức đẩy mạnh ứng dụng CNTT, công nghệ số gắn kết với cải cách hành chính.

Phối hợp với Phòng Kinh tế xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình trình UBND xã xem xét.

Tham gia tập huấn về công tác chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng theo sự chỉ đạo của cấp trên.

Phối hợp quản lý, vận hành và duy trì hoạt động của Trang Thông tin điện tử, trang Fanpage của Ủy ban nhân dân xã.

Xây dựng và thực hiện các chuyên mục, nội dung tuyên truyền, các điển hình trong chuyển đổi số trên hệ thống loa truyền thanh, trang Fanpage, trang thông tin điện tử xã; tổ chức tuyên truyền trực quan bằng các biểu ngữ, băng rôn về Ngày Chuyển đổi số. Tuyên truyền, vận động chi trả không dùng tiền mặt cho người có công và bảo trợ xã hội.

Hướng dẫn các phòng, đơn vị tiếp tục cập nhật hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức lên phần mềm cơ sở dữ liệu CBCCVVC tỉnh Quảng Trị.

Chủ trì đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin, công nghệ số gắn kết với cải cách hành chính.

2. Công an xã

Phát huy vai trò, bám sát chỉ đạo, hướng dẫn các Tổ công nghệ số cộng đồng và đề án 06 các thôn công tác triển khai Đề án 06 xã để tham mưu UBND xã chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn xã đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ.

Đẩy mạnh cung cấp các tiện ích cho người dân, quản lý xã hội trên ứng dụng VneID (quản lý xã hội như: tố giác tội phạm, phòng, chống cháy nổ, an toàn giao thông, khai báo tạm trú, tạm vắng... dịch vụ ngân hàng, mua sắm, thanh toán, giáo dục, y tế, dịch vụ tiện ích cho nhóm đối tượng yếu thế); đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống tội phạm trên không gian mạng...

3. Văn phòng HĐND&UBND xã

Quản lý, vận hành và duy trì tốt hoạt động của hệ thống hội nghị trực tuyến, hệ thống QLVB điều hành của UBND xã. Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã xây dựng chuyên mục tuyên truyền về Chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử xã.

Phối hợp với Công an xã phụ trách xây dựng Quy chế và phương án an toàn thông tin mạng mức độ 2. Tham mưu UBND xã tiếp tục thực hiện Đề án số hóa cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

Chủ trì thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và tổ chức thực

hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến; quản lý hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã.

Rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp hoặc xem xét, đề xuất loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số; tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

Tổ chức tuyên truyền trực quan bằng các biểu ngữ, băng rôn về Ngày Chuyển đổi số năm 2026 tại trung tâm xã.

5. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu và triển khai các giải pháp nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, hướng đến phát triển kinh tế số trong nông nghiệp.

Phối hợp đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ trong toàn ngành, xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu số về tri thức khoa học thuộc lĩnh vực nông, lâm để phục vụ người dân, doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm; từng bước hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm minh bạch, chính xác, an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp của xã.

Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu số về đất đai, tài nguyên và môi trường, đồng thời kết nối liên thông và chia sẻ dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của UBND xã.

5. Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã

Đẩy mạnh chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số như: Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, các chương trình truyền thanh, truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, nội dung, hoạt động chuyển đổi số của xã, tập huấn để chuyển đổi nhận thức, cách làm, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về thực hiện chuyển đổi số; hướng dẫn triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích, khai thác dữ liệu trong các cơ quan, đơn vị nhà nước...

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Xác định danh mục nhiệm vụ, dự án dự kiến hoặc đề xuất cấp thẩm quyền để triển khai Kế hoạch dựa trên các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện, trong đó với mỗi nhiệm vụ, dự án cần nêu rõ đơn vị chủ trì, nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp, mục tiêu chính đầu tư, thời gian triển khai, dự kiến tổng mức đầu tư và nguồn vốn./.

- Sở KHCN tỉnh;
- TT Đảng ủy xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VHXH.

Võ Xuân Hồng

Phụ lục

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN TRONG NĂM 2026**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Hòa Trạch)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát các thủ tục hành chính chuyển từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp: Tổ chức rà soát toàn bộ TTHC hiện hành đề xuất cấp có thẩm quyền loại bỏ thủ tục không còn phù hợp với danh mục thống nhất tỉnh, bảo đảm phục vụ theo nguyên tắc phi địa giới.	Văn phòng UBND xã (Trung tâm Phục vụ hành chính công)	Các phòng, đơn vị liên quan	Niên yết Quyết định công bố danh mục TTHC được chuẩn hóa, thống nhất.	31/12/2026
2	Tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, công chức: Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ, Khoa học và Công nghệ	Phòng VHXXH	Lập danh sách cán bộ đào tạo theo kế hoạch của tỉnh; báo cáo kết quả các lớp đào tạo	Trước 31/12/2026 và duy trì thường xuyên

3	Tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân: Tổ chức chương trình nâng cao kỹ năng số cho người dân hoặc các chương trình hỗ trợ người dân thực hiện số hóa và nộp hồ sơ; triển khai các hoạt động truyền thông chủ động và minh bạch; truyền tải lợi ích của việc thực hiện DVCTT và tăng tương tác 2 chiều giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước. Ưu tiên nhóm yếu thế như người già, người dân lao động nghèo, người khuyết tật; huy động sự tham gia của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến.	UBND xã	Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06	Kế hoạch và Báo cáo kết quả tổ chức các lớp đào tạo, chương trình hỗ trợ (số lượng, nội dung)	Trước 31/12/2026 và duy trì thường xuyên
4	Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 tại cơ sở: Thường xuyên rà soát bổ sung, kiện toàn thành viên; tập huấn trang bị kiến thức và kỹ năng để các tổ chức này thực sự là cánh tay nối dài của chính quyền số	Phòng VHXX	Các tổ chức chính trị - xã hội	Báo cáo hoạt động định kỳ của các Tổ CNSCĐ và Đề án 06; Tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng.	Định kỳ hàng quý
5	Duy trì kết nối liên thông dữ liệu chỉ đạo, điều hành giữa các cấp: Bảo đảm dữ liệu vận hành từ cấp xã đến cấp tỉnh, trung ương được liên thông theo thời gian thực.	Phòng VHXX	Văn phòng HĐND & UBND xã; phòng, đơn vị thuộc xã	Báo cáo thực trạng sử dụng	Thường xuyên

6	Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật: Triển khai các giải pháp, phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và bảo mật cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Công an tỉnh, Công an xã	Văn phòng HĐND & UBND xã; các phòng, đơn vị liên quan	Triển khai các giải pháp giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trong chuyển đổi số trên địa bàn xã. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án dự phòng, kịch bản ứng phó sự cố khi hệ thống bị lỗi, bị tấn công, bảo vệ dữ liệu và khôi phục hoạt động trong trường hợp bị tấn công mạng hoặc xảy ra sự cố an ninh thông tin, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn, an toàn.	Trước 31/12/2026 và duy trì thường xuyên
7	Tổng hợp báo cáo tiến độ theo tháng, cập nhật dữ liệu vào hệ thống báo cáo nghị quyết 57 của xã; báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã.	Phòng VHXH	Văn phòng HĐND&UBND xã; Các phòng, đơn vị liên quan	Báo cáo định kỳ hàng tháng, cập nhật lên phần mềm báo cáo nghị quyết số 57.	Trước ngày 25 hằng tháng

8	Báo cáo tổng hợp kết quả năm 2025: Thống kê đầy đủ kết quả chuyển đổi số trên toàn xã, gửi báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chi đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã để kịp thời báo cáo Sở KHCN	Phòng VHXH	Văn phòng HĐND&UBND xã; Các phòng, đơn vị liên quan	Báo cáo tổng kết năm 2026 về chuyển đổi số của xã	Trước 15/12/2026
9	Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn CDS theo yêu cầu của tỉnh: Cử cán bộ tham dự các lớp nâng cao nhận thức, kỹ năng chuyển đổi số	Phòng VHXH	Văn phòng HĐND&UBND xã; Các phòng, đơn vị liên quan	Danh sách cán bộ được cử đi đào tạo; Báo cáo tiếp thu, triển khai sau đào tạo.	Theo kế hoạch của Sở KH&CN
10	Nghiên cứu, xây dựng và trình HĐND xã ban hành cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có) và phê duyệt các nội dung quan trọng nhằm thúc đẩy CDS toàn diện	Phòng VHXH	Văn phòng HĐND&UBND xã; Các phòng, đơn vị liên quan	Tờ trình, dự thảo Nghị quyết của HĐND xã về chế độ, chính sách và chủ trương đầu tư các dự án CDS trọng điểm xã.	Từ Quý II/2026

11	Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ CDS: Cân đối và phân bổ kinh phí phục vụ số hóa, mua sắm trang thiết bị, đường truyền, đào tạo nhân lực, cải tạo nâng cấp hạ tầng số.	Phòng Kinh tế	Phòng VHXX, Văn phòng HĐND&UBND xã; Các phòng, đơn vị liên quan	Văn bản phân bổ, giao dự toán kinh phí phục vụ số hóa, trang thiết bị đầu cuối, đường truyền, đào tạo nhân lực, cải tạo hạ tầng số. Xây dựng kế hoạch đầu tư công hàng năm, lồng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; ưu tiên đầu tư các hạng mục thiết yếu, liên thông.	Trước 31/12/2026
12	Dự phòng ngân sách cho các nhiệm vụ đột xuất về CDS: Bảo đảm có khoản dự phòng ngân sách để chủ động xử lý tình huống phát sinh.	Phòng Kinh tế	Văn phòng HĐND&UBND xã; Các phòng, đơn vị liên quan	Tờ trình và Quyết định của UBND xã về việc bố trí nguồn kinh phí dự phòng.	Trước 31/12/2026